

Số: /QĐ-UBND

QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
(Cấp lần đầu ngàytháng năm 2026)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; Nghị định số 19/2025/NĐ-CP ngày 10/2/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết Luật Đầu tư về thủ tục đầu tư đặc biệt; Nghị định số 239/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất; Nghị định số 225/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 9/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 29/01/2026 của Hội Đồng nhân dân tỉnh về danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh năm 2026 (đợt 1);

Căn cứ Thông báo số 269-TB/TU ngày 27/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

Xét hồ sơ đề xuất chấp thuận chủ trương đầu tư do Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh BĐS NHSLAND lập và tài liệu kèm theo; đề nghị của Sở Tài chính tại Báo cáo số 432/BC-STC ngày 05/5/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị sinh thái trị liệu, du lịch và vui chơi giải trí với nội dung như sau:

1. Hình thức lựa chọn nhà đầu tư: Đấu thầu lựa chọn Nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Tên dự án: Khu đô thị sinh thái trị liệu, du lịch và vui chơi giải trí.

3. Mục tiêu đầu tư: Cụ thể hóa Đồ án Quy hoạch chung đô thị Chũ, tỉnh Bắc Giang đến năm 2045, tỷ lệ 1/10.000 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và Đồ án Quy hoạch phân khu Khu đô thị, du lịch sinh thái thể thao Khuôn Thần tại xã Kiên Lao, huyện Lục Ngạn (tỷ lệ 1/2.000) (nay là xã Kiên Lao tỉnh Bắc Ninh) được UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt.

4. Quy mô đầu tư

4.1. Quy mô sử dụng đất của dự án: Khoảng 356,72ha, cụ thể như sau:

STT	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích đất	Tỷ lệ	MĐXD (%)	Tầng cao (tầng)
			(m ²)	(%)		
TỔNG DIỆN TÍCH DỰ ÁN			3.567.214,59	100	0-80	1-25
1	Đất công cộng đô thị	C-CCDT	9.871,26	0,28	35	3
2	Đất nhóm nhà ở	C-NO	254.496,07	7,13	35-80	2-25
2.1	Đất nhà ở thấp tầng		210.624,75	5,9	50-80	2-4
		C-NO1	14.467,71	0,41	60	2-3
		C-NO2	18.929,95	0,53	60	2-3
		C-NO3	9.214,16	0,26	69	2-3
		C-NO4	24.976,51	0,70	60	2-3
		C-NO5	26.105,01	0,73	60	2-3
		C-NO6	5.923,00	0,17	80	4
		C-NO7	6.268,95	0,18	80	4
		C-NO10	11.568,51	0,32	60	2-3
		C-NO11	43.863,39	1,23	60	2-3
		C-NO12	9.887,36	0,28	60	2-3
		C-NO13	19.200,30	0,54	50-60	2-3
		C-NO14	7983,59	0,22	60	2-3
		C-NO15	4670,16	0,13	50	2
C-NO16	7566,15	0,21	50	2		
2.2	Đất nhà ở chung cư		43.871,32	1,23	35	25
		C-NO8	18.442,80	0,52	35	25
		C-NO9	25.428,52	0,71	35	25
3	Đất công trình hạ tầng xã hội		33.764,13	0,95	40	1-3
3.1	Đất văn hóa	C-VH	8.714,13	0,24	40	2

		C-VH1	2.789,56	0,08	40	2
		C-VH2	2.096,54	0,06	40	2
		C-VH3	2.689,32	0,08	40	2
		C-VH4	1.138,71	0,03	40	2
3.2	Đất y tế	C-YT	7.483,97	0,21	40	3
		C-YT1	1.414,37	0,04	40	3
		C-YT2	6.069,60	0,17	40	3
3.3	Đất giáo dục	C-GD	17.566,03	0,49	40	3
3.3.1	Trường THPT	C-GD3	6.663,53	0,19	40	3
3.3.2	Trường THCS, tiểu học, mầm non		10.902,50	0,31	40	3
		C-GD2	4.129,23	0,12	40	3
		C-GD1	6.773,27	0,19	40	3
4	Đất cây xanh sử dụng công cộng	C-CX	253.069,49	7,09	5	1
5	Đất cây xanh cảnh quan	C-CQ, D-CQ	619.236,16	17,36	0-5	1
6	Đất cây xanh sử dụng hạn chế	C-CXHC	770.235,64	21,59	5	1
7	Đất khu dịch vụ	C-DV, D-DV	70.827,21	1,99	35-50	3-5
		C-DV1	14.039,67	0,39	50	3
		C-DV2	7.282,80	0,20	50	3
		C-DV3	15.032,33	0,42	50	3
		D-DV1	34.472,41	0,97	35	5
8	Đất hỗn căn hộ lưu trú và dịch vụ	D-HH	179.323,66	5,03	35	7-20
		D-HH1	120.141,12	3,37	35	7
		D-HH2	59.182,54	1,66	35	20
9	Đường giao thông	GT	329.407,87	9,23		
10	Đất bãi đỗ xe	BDX	17.647,96	0,49	20	1
11	Đất CT hạ tầng kỹ thuật khác	HT	6.031,73	0,17	0-40	1
11.1	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật	HT1-2-3	3.695,91	0,1	40	1
11.2	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	HTK	2.335,82	0,07		
12	Đất nông nghiệp và đất khác	NN	1.023.303,41	28,69		
12.1	Đất rừng phòng hộ		21.370,50			
12.2	Hồ, ao, đầm		965.082,91			
12.3	Sông suối, kênh, rạch		36.850,00			

- Đối với diện tích đất rừng phòng hộ khoảng 2,13ha (21.370,5 m²) nằm trong ranh giới quy hoạch, ranh giới dự án: Được giữ nguyên hiện trạng, không chuyển đổi mục đích sử dụng, không giao cho nhà đầu tư.

4.2. Quy mô xây dựng:

Đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội và các công trình hình thành khu đô thị sinh thái trị liệu, du lịch và vui chơi giải trí với quy mô dự án là 356,72ha/873ha phù hợp với điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 12/3/2025 bao gồm:

a) Công trình hạ tầng kỹ thuật: Đầu tư đồng bộ công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch được duyệt trên diện tích 356,72ha, gồm các công trình: San nền, giao thông, cấp nước, thoát nước, cấp điện, chiếu sáng công cộng, thông tin liên lạc, cây xanh công cộng, cây xanh cảnh quan, mặt nước, bãi đỗ xe, cây xanh hè đường, ga rác, trạm xử lý nước thải và hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác.

b) Công trình nhóm nhà ở thấp tầng: Xây dựng tại các ô đất có kí hiệu từ C-NO1 đến C-NO7 và từ C-NO10 đến C-NO16; tổng diện tích đất 210.624,75 m²; mật độ xây dựng từ 50%- 60%; cao từ 2-4 tầng; tổng diện tích sàn xây dựng 322.712,61 m².

c) Công trình nhóm nhà ở cao tầng: Xây dựng tại các ô đất kí hiệu C-NO8 và C-NO9; tổng diện tích đất 43.871,32 m²; mật độ xây dựng 35%; cao 25 tầng; tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 162.762,6 m².

d) Công trình giáo dục: Xây dựng tại các ô đất kí hiệu C-GD1, C-GD2 và C-GD3; tổng diện tích đất 17.566,53 m²; mật độ xây dựng 40%; cao 3 tầng; tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 21.079,24 m².

e) Công trình văn hóa: Xây dựng tại các ô đất kí hiệu C-VH2, C-VH3 và C-VH4; tổng diện tích đất 5.924,57 m²; mật độ xây dựng 40%; cao 2 tầng; tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 4.739,66 m².

g) Công trình y tế: Xây dựng tại các ô đất kí hiệu C-YT1 và C-YT2; tổng diện tích đất 7.483,97 m²; mật độ xây dựng 40%; cao 3 tầng, tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 8.980,76 m².

h) Công trình dịch vụ: Xây dựng tại các ô đất kí hiệu C-DV1 đến C-DV3, D-DV1, tổng diện tích đất 70.827,21 m²; mật độ xây dựng từ 35%-50% theo từng ô đất; cao từ 3-5 tầng; tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 114.858,92 m².

g) Công trình hỗn hợp căn hộ lưu trú và dịch vụ: Xây dựng tại các ô đất kí hiệu D-HH1 và D-HH2, tổng diện tích đất 179.323,66 m², mật độ xây dựng 35%; cao từ 7-20 tầng theo quy hoạch từng ô đất; tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 457.097,73 m².

i) Công trình công viên chuyên đề: Xây dựng tại ô đất kí hiệu C-CXHC1 có diện tích 770.235,64 m²; mật độ xây dựng 5%; cao 1 tầng; diện tích sàn xây dựng khoảng 38.511,78 m².

Xây dựng công viên chuyên đề theo chủ đề (giải trí, sinh thái, văn hóa, giáo dục, công nghệ, water park, safari...). Các khu chức năng chính: Khu trò chơi, khu biểu diễn, hồ cảnh quan, nhà dịch vụ, bãi đỗ xe, hạ tầng kỹ thuật,..Tiêu chuẩn quốc tế đảm bảo mật độ xây dựng cho phép và nâng cao tính công cộng, văn hóa, giáo dục, du lịch của địa phương.

4.3. Phân kỳ giai đoạn đầu tư

Phân kỳ giai đoạn 1 (Phân khu số I): Đầu tư đồng bộ hệ thống Hạ tầng kỹ thuật; Hạ tầng xã hội; Nhà ở thấp tầng (trên các ô đất ký hiệu C-NO1 đến C-NO5); Công trình văn hoá (trên ô đất ký hiệu C-VH2); Công trình giáo dục (trên ô đất ký hiệu C-GD1); Công trình y tế (trên ô đất ký hiệu C-YT1) theo quy hoạch được phê duyệt trên diện tích 39,03ha.

Phân kỳ giai đoạn 2 (Phân khu số II): Đầu tư đồng bộ hệ thống Hạ tầng kỹ thuật; Hạ tầng xã hội; Nhà ở thấp tầng (trên các ô đất ký hiệu C-NO6, C-NO7, C-N10 đến C-NO16); Nhà ở cao tầng (trên các ô đất ký hiệu C-NO8, C-NO9) Công trình văn hoá (trên ô đất ký hiệu C-VH3, C-VH4); Công trình giáo dục (trên ô đất ký hiệu C-GD2, C-GD3); Công trình y tế (trên ô đất ký hiệu C-YT2); Công trình công cộng đô thị (trên ô đất ký hiệu C-CCDT1) theo quy hoạch được phê duyệt trên diện tích 76,18ha.

Phân kỳ giai đoạn 3 (Phân khu số III): Đầu tư đồng bộ hệ thống Hạ tầng kỹ thuật; Hạ tầng xã hội; Công trình dịch vụ (trên ô đất ký hiệu D-DV1); Công trình hỗn hợp căn hộ lưu trú và dịch vụ (được xây dựng trên các ô đất ký hiệu D-HH1, D-HH2) theo quy hoạch được phê duyệt trên diện tích 66,95ha.

Phân kỳ giai đoạn 4 (Phân khu số IV): Đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật; hạ tầng xã hội; Công trình dịch vụ (được xây dựng trên ô đất ký hiệu C-DV1 đến C-DV3); Công trình công viên chuyên đề (được xây dựng trên ô đất ký hiệu C-CXHC1) theo quy hoạch được phê duyệt trên diện tích 174,55ha.

(Chi tiết tại Báo cáo thẩm định của Sở Tài chính và hồ sơ kèm theo)

4.4. Quy mô dân số: Đáp ứng nhu cầu chỗ ở cho khoảng 6.043 người.

4.5. Sản phẩm của dự án cung cấp:

- Dự án cung cấp các sản phẩm là bất động sản và các dịch vụ liên quan trong phạm vi, ranh giới khu đất thực hiện dự án gồm: Công trình nhà ở thấp tầng và cao tầng; Công trình y tế; Công trình văn hóa; Công trình giáo dục; Công trình dịch vụ; Công trình hỗn hợp căn hộ lưu trú và dịch vụ; Công trình công viên chuyên đề.

- Đất ở được chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo hình thức phân lô bán nền để cá nhân tự xây dựng nhà ở: không có.

4.6. Quản lý hạ tầng khu đô thị trong phạm vi dự án:

Sau khi dự án hoàn thành, nhà đầu tư có trách nhiệm bàn giao các công trình hạ tầng kỹ thuật được đầu tư xây dựng trong phạm vi khu đất thực hiện dự án cho nhà nước quản lý. Nhà đầu tư thực hiện nghĩa vụ bảo hành công trình theo quy định.

Đối với ô đất xây dựng công trình văn hóa có ký hiệu C-VH1: Sau khi hoàn thành hạ tầng kỹ thuật, Nhà đầu tư bàn giao lại ô đất cho cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền để quản lý, sử dụng theo quy định.

5. Tổng vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn đầu tư của dự án:

5.1. Tổng vốn đầu tư dự kiến: 13.894.942 triệu đồng (*Mười ba nghìn tám trăm chín mươi tư tỷ, chín trăm bốn mươi hai triệu đồng*).

5.2. Sơ bộ chi phí giải phóng mặt bằng của dự án (dự kiến): 846.990 triệu đồng (*Tám trăm bốn mươi sáu tỷ, chín trăm chín mươi triệu đồng*).

5.3. Nguồn vốn, cơ cấu vốn: Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư tối thiểu 15% tổng vốn đầu tư; vốn vay, vốn huy động hợp pháp khác tối đa 85% tổng vốn đầu tư, cụ thể:

- Vốn chủ sở hữu (tối thiểu 15%): 2.084.241 triệu đồng.

- Vốn vay, các nguồn vốn hợp pháp khác (tối đa 85%): 11.810.701 triệu đồng.

6. Thời gian hoạt động của dự án: 50 năm kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

7. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Kiên Lao, tỉnh Bắc Ninh.

8. Tiến độ thực hiện dự án: 10 năm kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư, trong đó:

*** Giai đoạn 1:**

- Hoàn thành GPMB và giao đất thực hiện dự án: 02 năm kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà đầu tư;

- Hoàn thành đầu tư xây dựng, nghiệm thu đưa vào sử dụng, khai thác: 04 năm kể từ ngày giao đất thực hiện dự án.

*** Giai đoạn 2:**

- Hoàn thành GPMB và giao đất thực hiện dự án: 03 năm kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà đầu tư;

- Hoàn thành đầu tư xây dựng, nghiệm thu đưa vào sử dụng, khai thác: 04 năm kể từ ngày giao đất thực hiện dự án.

*** Giai đoạn 3:**

- Hoàn thành GPMB và giao đất thực hiện dự án: 03 năm kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà đầu tư;

- Hoàn thành đầu tư xây dựng, nghiệm thu đưa vào sử dụng, khai thác: 06 năm kể từ ngày giao đất thực hiện dự án.

*** Giai đoạn 4:**

- Hoàn thành GPMB và giao đất thực hiện dự án: 03 năm kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà đầu tư;

- Hoàn thành đầu tư xây dựng, nghiệm thu đưa vào sử dụng, khai thác: 07 năm kể từ ngày giao đất thực hiện dự án.

9. Ưu đãi và hỗ trợ đầu tư và các điều kiện áp dụng: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

10. Các điều kiện khác để thực hiện dự án

10.1. Nghĩa vụ của Nhà đầu tư về nhà ở xã hội: Sau khi lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án, sẽ triển khai lập quy hoạch chi tiết xây dựng đối với dự án. Nhà đầu tư thực hiện dự án có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ về nhà ở xã hội theo quy định tại Luật Nhà ở năm 2023, Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 của Chính phủ, Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND ngày 05/9/2024 và số 35/2025/QĐ-UBND ngày 10/6/2025 của UBND tỉnh.

10.2. Về việc sở hữu nhà ở tại dự án đối các tổ chức, cá nhân nước ngoài: Dự án không thuộc khu vực cần bảo đảm an ninh; cho phép tổ chức, cá nhân nước ngoài sở hữu nhà ở.

11. Phương thức giao đất, cho thuê đất

Sau khi quy hoạch chi tiết xây dựng được duyệt, cơ quan quản lý nhà nước về đất đai xác định diện tích cụ thể để giao cho Nhà đầu tư để thực hiện dự án. Nhà nước giao đất cho Nhà đầu tư để thực hiện dự án theo phương thức giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với phần diện tích đất ở (các ô đất từ C-NO1 đến C-NO16); cho thuê đối với phần diện tích đất sử dụng vào mục đích thương mại dịch vụ: Đất Y tế (các ô đất kí hiệu C-YT1 và C-YT2), Văn hóa (các ô đất kí hiệu C-VH2, C-VH3 và C-VH4), đất Giáo dục (các ô đất kí hiệu C-GD1, C-GD2 và C-GD3), Đất Dịch vụ (các ô đất kí hiệu C-DV1 đến C-DV3, D-DV1), Đất hỗn hợp căn hộ lưu trú và dịch vụ (các ô đất kí hiệu D-HH1 và D-HH2), Đất công viên chuyên đề (tại ô đất kí hiệu C-CXHC1) theo quy hoạch được phê duyệt. Phương thức giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai, lâm nghiệp và các quy định khác có liên quan.

Trong ranh giới dự án có 2,13ha là đất rừng phòng hộ nằm xen kẽ trong phạm vi thực hiện dự án được giữ nguyên hiện trạng; được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan và không thuộc phần diện tích được giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án.

12. Quản lý công trình sau khi đầu tư

a. Đất và các công trình hạ tầng được chuyển giao cho nhà nước:

Sau khi hoàn thành dự án, Nhà đầu tư bàn giao lại cho cơ quan Nhà nước quản lý các khu đất, ô đất, các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất, thuê đất cho Nhà đầu tư.

b. Đất và công trình do nhà đầu tư quản lý, kinh doanh, khai thác:

Nhà đầu tư chỉ được phép kinh doanh, chuyển nhượng nhà ở; kinh doanh các công trình xây dựng khác khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định

của pháp luật về đất đai, đầu tư, xây dựng, nhà ở, kinh doanh bất động sản và các quy định khác có liên quan.

(Quy mô xây dựng, công suất thiết kế, cơ cấu sản phẩm, tổng mức đầu tư, ... nêu trên là dự kiến. Các nội dung cụ thể sẽ được cụ thể tại quy hoạch chi tiết và báo cáo nghiên cứu khả thi dự án được phê duyệt).

13. Các nội dung khác

- Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh BĐS NHSLAND chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu và hồ sơ đề xuất dự án.

- Các nội dung khác: Theo Hồ sơ Đề xuất chủ trương đầu tư dự án và các tài liệu có liên quan.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Các Sở: Xây dựng; Tài chính; Nông nghiệp và Môi trường; Công thương; UBND xã Kiên Lao; Thuế tỉnh Bắc Ninh; Ban Quản lý dự án Giao thông và Nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh số 1 và các cơ quan liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc tiếp theo để lựa chọn nhà đầu tư và triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý dự án Giao thông và Nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh số 1, Kho bạc Nhà nước khu vực VI, Thuế tỉnh Bắc Ninh; Chủ tịch UBND xã Kiên Lao và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, TH, KTN;
- Lưu: VT, XD.Trung.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Thịnh